

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2024.

V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà*

P và ông D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Sáu

2. Ông Phạm Đức Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự.

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm: 2002. Địa chỉ: Số 40, Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí Thành D, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Xóm 9, Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

* *Về hôn nhân:*

Bà P và ông D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/02/2022. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ông D không lo lắng về mặt kinh tế, gây nợ nần. Nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông D.

Còn ông D thì không đến Tòa án làm việc nên không trình bày về mâu thuẫn vợ

chồng mà chỉ gửi đơn xin vắng mặt trong đó có trình bày nội dung đồng ý ly hôn với bà P.

* *Về con chung*: Bà P và ông D trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Phúc C1, sinh ngày 24/9/2022. Khi ly hôn, bà P và ông D thỏa thuận giao 01 con chung cho bà P có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên; Bà P không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà P và ông D đều trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp “Ly hôn” với ông Nguyễn Chí Thành D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P và bị đơn ông Nguyễn Chí Thành D vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/02/2022. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông D là hoàn toàn hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ông D không lo lắng về mặt kinh tế, gây nợ nần. Nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông D.

Còn ông D thì không đến Tòa án làm việc nên không trình bày về mâu thuẫn vợ chồng mà chỉ gửi đơn xin vắng mặt trong đó có trình bày nội dung đồng ý ly hôn với bà P.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P, xử cho bà P được ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông D trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Phúc C1, sinh ngày 24/9/2022.

Khi ly hôn, bà P và ông D thỏa thuận giao 01 con chung cho bà P có trách nhiệm

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên; Bà P không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ, đang có cuộc sống ổn định với bà P. Bà P cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà P về việc nhận nuôi dưỡng con chung; giao 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Phúc An cho bà P có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Bà P không yêu cầu nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà P và ông D trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Bà P tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với ông Nguyễn Chí Thành D về việc tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho bà Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Chí Thành D.

2/ Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Phúc C1, sinh ngày 24/9/2022 cho bà Nguyễn Thị Ngọc P có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Chí Thành D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Ngọc P đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006984 ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc P đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/8/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường